

Bản án số: 347/2023/HS-PT
Ngày 31 tháng 5 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Phạm Minh H Tấn.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 30 và ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 247/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2022/HS-ST ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Võ Thanh L, sinh năm 1983 tại Châu Thành, Hậu Giang; nơi cư trú: Số 82 đường PCT, khu vực 3 SH, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn K và bà Huỳnh Thị Đ; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc L (đã ly hôn) và có 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 23 tháng 11 năm 2019 cho đến nay, có mặt.

2. Trần Văn L, sinh năm 1989 tại Tân Hiệp, Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D và bà Hà Kim M; có vợ là Nguyễn Thị Cẩm T và có 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 13 tháng 9 năm 2020 cho đến nay, có mặt.

3. Lữ Nhựt T, sinh năm 1987 tại Trà Ôn, Vĩnh Võ Thanh L; nơi cư trú: Ấp G, xã TM, huyện T, tỉnh Vĩnh Võ Thanh L; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lữ Văn T và bà Nguyễn Thị Kim E; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc H; tiền án:

Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 13 tháng 9 năm 2020 cho đến nay, có mặt.

4. Nguyễn Tân Đ (tên gọi khác: Bình Y), sinh năm 1982 tại Mang Thít, Vĩnh Võ Thanh L; nơi cư trú: Ấp N, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Võ Thanh L; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị V; có vợ là Đỗ Thị D và có 03 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 13 tháng 9 năm 2020 cho đến nay, có mặt.

5. Trần Tấn P (tên gọi khác: Trần Quốc C), sinh năm 1992 tại Cờ đỏ, Cần Thơ; nơi cư trú: Khu vực 9, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Thu N; có vợ là Đinh Thị Thùy D và có 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 13 tháng 9 năm 2020 cho đến nay, có mặt.

6. Phạm Minh H, sinh năm 1965 tại Trà Vinh; nơi cư trú: Khu vực 3, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Mai Thị N; có vợ là Bùi Thị Hà H và có 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 12 tháng 01 năm 2021 đến ngày 05/11/2021 được cho tại ngoại cho đến nay, có mặt.

7. Lê Minh T, sinh năm 1980 tại Cần Thơ; nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh Tr và bà Huỳnh Thị V; có vợ là Trần Thị Cẩm T và có 03 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 12 tháng 01 năm 2021 cho đến nay, có mặt.

8. Võ Văn S, sinh năm 1992 tại Lấp Vò, Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm Thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn L và bà Phạm Thị N; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 12 tháng 01 năm 2021 cho đến nay, có mặt.

9. Lê Thành N, sinh năm 1990 tại Phong Điền, Cần Thơ; nơi cư trú: Số 103/90A đường T, khu vực 1, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn U và bà Trần Thị B; có vợ là Nguyễn Thị Hồng Q và có 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 12 tháng 01 năm 2021 cho đến nay, có mặt.

10. Đỗ Văn T, sinh năm 1966 tại Bình Phước; nơi cư trú: Tổ 3, khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Trần Thị H và có 04 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 12 tháng 01 năm 2021 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thanh L:

1/ Luật Trương Vương Q, Văn phòng Luật sư NT HG, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.

2/ Luật sư Trần Đình K, Văn phòng Luật sư TS, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

3/ Luật sư Huỳnh Quốc N, Công ty Luật TNHH DL P, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

4/ Luật sư Nguyễn Bá T, Công ty Luật TNHH DL P, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Vạn L: Luật sư Nguyễn Ngọc D, Công ty Luật TNHH MTV MT, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lữ Nhật T:

1/ Luật sư Trương Hoàng S, Luật sư của Văn phòng Luật sư AS, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Võ Thanh L, có mặt.

2/ Luật sư Trần Bá K, Văn phòng Luật sư VL, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tân Đ:

1/ Luật sư Trần Ngọc T, Công ty Luật TT, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Võ Thanh L.

2/ Luật sư Phạm Xuân T, Văn Phòng Luật sư Thanh Bình chi nhánh Cần Thơ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Võ Thanh L An, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Tấn P: Luật sư Trương Hoài P, Văn phòng Luật sư Trương Hoài P thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh H:

1/ Luật sư Trần Thị Minh, Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

2/ Luật sư Phan Văn H, Văn phòng Luật sư S, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh T: Luật sư Trương Hoài P, Văn phòng Luật sư Trương Hoài P thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn S: Luật sư Tôn Huỳnh Văn H, Công ty Luật TNHH MTV MT, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thành N: Luật sư Nguyễn Ngọc D, Công ty Luật TNHH MTV MT, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn T: Luật sư Tôn Huỳnh Văn H, Công ty Luật TNHH MTV MT, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, có mặt.

Người bị hại có kháng cáo:

1/ Bà Trần Thúy L, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: Khóm 1, Phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau, vắng mặt.

2/ Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Số 340A, đường N, khóm 5, Phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau, vắng mặt.

3/ Ông Ngô Bình L, sinh năm: 1947.

Địa chỉ: Khóm 5, Phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau, vắng mặt.

4/ Bà Lê Kim T, sinh năm: 1963

Địa chỉ: Số 770 đường T, khóm 5, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau, vắng mặt.

5/ Bà Ngô Minh K, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số 80A đường L, khóm 2, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau, vắng mặt.

6/ Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Số 42/21 đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

7/ Bà Bùi Thị H, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

8/ Bà Trần Thị Đơn P, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: 54/8B đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

9/ Bà Mạch Thị T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: 107 đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

10/ Ông Võ Văn T, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

11/ Bà Phạm Thị Hoài V, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Số 924 Tỉnh Lộ 10, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, xin vắng mặt.

12/ Bà Trần Thị Anh K, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: 132/61 đường N, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

13/ Bà Trần Thị Tường O, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: 1941/28 KP2A, phường Đ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

14/ Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số 29 ngõ H, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị H, ông Võ Văn T, bà Trần Thị Anh K, bà Trần Thị Tường O: Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 43/72 đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1/ Bà Lê Thị Huỳnh M, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: Số 15 đường 8/3, Phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Võ Thanh L, xin vắng mặt.

2/ Ông Trần Văn N, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau, vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn C, sinh năm: 1941.

Địa chỉ: Tổ 29, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, xin vắng mặt.

4/ Bà Vi Thùy D, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số 30 tổ 4, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, xin vắng mặt.

5/ Ông Bùi Đức L, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ngõ 617 đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

6/ Bà Hoàng Thị T, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, xin vắng mặt.

7/ Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp P, xã PH, huyện C, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.

8/ Bà Lê Thị Trúc H, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số 64 khóm 5, phường 4, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

(Ngoài ra còn có 803 người bị hại và 129 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14 tháng 11 năm 2012, Võ Thanh L thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại và Dịch vụ KTH (gọi tắt là Công ty KTH) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV, mã số doanh nghiệp: 6300216603, địa chỉ trụ sở chính: Ấp PX, thị trấn MD, huyện C, tỉnh Hậu Giang do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, với ngành, nghề kinh doanh: Xây dựng công trình dân dụng và thủy lợi, mua bán vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, xây dựng công trình cầu đường, giao thông nông thôn, công nghiệp; Vốn điều lệ là 1.900.000.000 đồng (*Một tỷ chín trăm triệu đồng*). Sau nhiều lần thay đổi đăng ký kinh doanh và thay đổi lần 06 đổi tên thành Công ty Cổ phần quốc tế UMV (gọi tắt là Công ty UMV), đồng thời chuyển đổi ngành, nghề kinh doanh sang lĩnh vực dịch vụ bảo trì thiết bị điện, điện tử - điện lạnh (tài sản dân dụng). Từ năm 2015, Võ Thanh L chỉ đạo Công ty UMV thực hiện chính sách bán sỉ cho đại lý quyền bảo trì tài sản dân dụng với giá 2.000.000 đồng/quyển (01 quyển gồm 10 phiếu), đại lý bán lẻ ra thị trường cho khách hàng là 300.000 đồng/phiếu. Hàng tháng Công ty UMV hỗ trợ chi phí bán

hàng cho đại lý. Tuy nhiên loại hình kinh doanh này không thu hút được khách hàng nên một số đại lý không bán lẻ phiếu bảo trì ra thị trường mà cất giữ để hàng tháng nhận tiền hỗ trợ chi phí bán hàng, dẫn đến Công ty UMV thua lỗ, không có khả năng chi trả tiền hỗ trợ bán hàng theo hợp đồng, nên nhiều đại lý yêu cầu Công ty UMV thanh toán số tiền đã đầu tư mua phiếu bảo trì tài sản dân dụng nhưng Công ty UMV chưa thanh toán.

Đến ngày 05 tháng 10 năm 2016, Võ Thanh L thành lập Công ty Cổ phần bất động sản CT (gọi tắt là Công ty CT) địa chỉ trụ sở chính: Tỉnh lộ 925, ấp PN, xã PH, huyện C, tỉnh Hậu Giang, vốn điều lệ là 39.000.000.000 đồng (*Ba mươi chín tỷ đồng*); ngành nghề kinh doanh: Hoạt động kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, hoạt động cấp tín dụng khác, kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; người đại diện theo pháp luật: Võ Thanh L; cơ đông sáng lập gồm: Võ Thanh L tỷ lệ vốn góp 60%, Trần Vạn L tỷ lệ vốn góp 20% và Lữ Nhựt T tỷ lệ vốn góp 20%.

Ngày 19 tháng 01 năm 2017, Võ Thanh L ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ DD (Công ty DD) để chuyển nhượng toàn bộ Dự án Đầu tư trung tâm Du lịch sinh thái PH, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, với giá chuyển nhượng là 26.000.000.000 đồng (*Hai mươi sáu tỷ đồng*) diện tích: 100.391m² (gồm 39 thửa đất). Sau khi nhận chuyển nhượng dự án, Võ Thanh L không thực hiện các thủ tục pháp lý về xin chủ trương của UBND tỉnh Hậu Giang cho thực hiện dự án; hồ sơ chuyển đổi đầu tư dự án trung tâm khu du lịch sinh thái PH; chưa có quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đất chi tiết đồng thời các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên cá nhân Võ Thanh L. Ngày 01 tháng 6 năm 2017, Công ty CT đăng ký thay đổi lần 1, chuyển trụ sở chính đến địa chỉ ấp PN, xã PH, huyện C, tỉnh Hậu Giang vốn điều lệ 39.000.000.000 đồng; Ngày 21 tháng 8 năm 2017, Công ty CT đăng ký thay đổi lần 2, nội dung: tăng vốn điều lệ và tỷ lệ vốn góp từ 39.000.000.000 đồng (*Ba mươi chín tỷ đồng*) lên 59.000.000.000 đồng (*Năm mươi chín tỷ đồng*) tuy nhiên số vốn góp này không có thực.

Nhân sự chủ chốt của Công ty CT gồm: Võ Thanh L giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc; Trần Vạn L - Phó Tổng Giám đốc điều hành; các Phó Tổng Giám đốc kinh doanh tập sự gồm: Lữ Nhựt T - phụ trách khu vực Miền Trung, Tây nguyên; Nguyễn Tân Đ - phụ trách khu vực Miền Bắc; Trần Tấn P - phụ trách khu vực Miền Tây; Phạm Minh H - phụ trách khu vực Miền Đông Nam Bộ; Lê Minh T - phụ trách khu vực Miền Tây, đồng thời hỗ trợ cho Nguyễn Tân Đ. (Sau khi Trần Vạn L, Lữ Nhựt T, Trần Tấn P và Phạm Minh H nghỉ việc, Lâm Mỹ P phụ trách khu vực Miền Tây; Võ Văn S và Lê Thành N cùng phụ trách khu vực Miền Tây, Đỗ Văn T phụ trách khu vực Đông Nam Bộ). Nhiệm vụ của Phó Tổng Giám đốc điều hành là thay mặt Tổng Giám đốc điều hành mọi hoạt động của Công ty CT, đại diện Công ty CT ký kết các hợp đồng với khách hàng; các Phó Tổng Giám đốc kinh doanh tập sự có nhiệm vụ điều hành và phát triển thị trường kinh doanh tại khu vực được phân công phụ trách, bằng cách trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc phân công bộ phận kinh doanh cấp dưới tại các hội thảo kêu gọi hợp tác đầu tư do Công ty CT tổ chức.

Với vai trò là Tổng Giám đốc Công ty CT Võ Thanh L chỉ đạo cho Trần Vạn L, Lữ Nhựt T, Nguyễn Tân Đ, Trần Tấn P, Phạm Minh H, Lê Minh T, Lâm Mỹ P, Võ Văn S, Lê Thành N và Đỗ Văn T đưa thông tin sai sự thật về dự án cho khách hàng, để huy động vốn triển khai dự án và kinh doanh du lịch tại Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH - Hậu Giang. Võ Thanh L cùng với Trần Vạn L, Lữ Nhựt T, Nguyễn Tân Đ, Trần Tấn P, Phạm Minh H, Lê Minh T, Lâm Mỹ P, Võ Văn S, Lê Thành N và Đỗ Văn T đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 817 người thuộc 39 tỉnh, thành phố trên cả nước, trong đó có nhiều trường hợp một người tham gia đầu tư vào nhiều hình thức huy động vốn, với số tiền đã bị các bị cáo chiếm đoạt là 159.933.821.312 đồng (*Một trăm năm mươi chín tỷ chín trăm ba mươi ba triệu tám trăm hai mươi một nghìn ba trăm mười hai đồng*). Sau khi nhận tiền đầu tư của khách hàng, Võ Thanh L chỉ sử dụng một phần nhỏ vào việc xây dựng, sửa chữa một số hạng mục công trình tại Khu du lịch PH, số tiền còn lại sử dụng vào việc thanh toán các hợp đồng đại lý phiếu bảo trì của Công ty UMV; hoàn trả tiền cho khách hàng của hợp đồng hợp tác đầu tư; chi tiền phân trăm doanh số cho bộ phận kinh doanh, chi tiền hoa hồng môi giới, chi tiền lương cho nhân viên,... dẫn đến mất khả năng thanh toán. Cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức kêu gọi Hợp đồng hợp tác đầu tư (thời gian thực hiện từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 10 năm 2017):

Khoảng tháng 4 năm 2017, Công ty UMV kinh doanh thua lỗ, gặp khó khăn về tài chính, Võ Thanh L đã tạm ngưng hoạt động kinh doanh của công ty UMV, đồng thời thành lập và điều hành hoạt động kinh doanh Công ty CT.

Sau khi ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ DD (Công ty DD) để chuyển nhượng toàn bộ Dự án Đầu tư trung tâm Du lịch sinh thái PH, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, với giá chuyển nhượng là 26.000.000.000 đồng (*Hai mươi sáu tỷ đồng*) diện tích: 100.391m² (gồm 39 thửa đất). Võ Thanh L không thực hiện thủ tục pháp lý theo quy định đối với việc triển khai Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH (sau đây gọi tắt là dự án Khu du lịch PH) nhưng chỉ đạo thực hiện việc kêu gọi hợp tác đầu tư, và ủy quyền cho Trần Vạn L đại diện Công ty CT ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư với khách hàng, Trần Tấn P phụ trách điều hành, phát triển thị trường kinh doanh, tìm kiếm khách hàng ở khu vực Miền Tây, trực tiếp thuyết trình tại các hội thảo để giới thiệu về Công ty CT, về Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH - Hậu Giang và các chính sách, quyền lợi khi người dân tham gia hợp tác đầu tư vào dự án, Phạm Minh H, Lữ Nhựt T, Nguyễn Tân Đ, Lê Minh T phụ trách điều hành, phát triển thị trường kinh doanh, tìm kiếm khách hàng ở khu vực được phân công.

Trần Tấn P, Phạm Minh H, Lữ Nhựt T, Nguyễn Tân Đ và Lê Minh T đã trực tiếp tư vấn hoặc phân công bộ phận kinh doanh cấp dưới tư vấn trực tiếp cho khách hàng để kêu gọi tham gia hợp tác đầu tư hoặc tổ chức hội thảo kêu gọi hợp tác đầu tư để mời khách hàng đến tham dự. Nội dung tư vấn và tại các hội thảo là đưa ra thông tin sai sự thật về Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH - Hậu Giang như: Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH - Hậu Giang là tài sản của Công ty CT nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Thương Mại và dịch vụ DD với số tiền 700.000.000.000 đồng (*Bảy trăm tỷ đồng*), diện tích đất 12 ha (héc-ta), thủ tục pháp

lý đã hoàn thiện theo quy định được phép kêu gọi hợp tác đầu tư; đưa ra các gói đầu tư có lợi nhuận cao như: Gói góp vốn 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) được chia lợi nhuận 2.000.000 đồng/tháng (*Hai triệu đồng*), trong thời hạn 12 tháng, đến tháng thứ 13 được hoàn vốn với số tiền 51.000.000 đồng (*Năm mươi mốt triệu đồng*); gói góp vốn 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), được chia lợi nhuận 4.000.000 đồng/tháng (*Bốn triệu đồng*), trong thời hạn 12 tháng, đến tháng thứ 13 được hoàn vốn với số tiền 102.000.000 đồng (*Một trăm lẻ hai triệu đồng*), các gói góp vốn 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) có lợi nhuận tỉ lệ thuận với các gói góp vốn nêu trên (thể hiện qua hợp đồng hợp tác đầu tư, bảng hạn mức đầu tư do Công ty CT ban hành); ngoài ra Công ty CT sẽ trích 20% (*Hai mươi phần trăm*) của tổng doanh thu từ việc kinh doanh hợp tác đầu tư, để chi cho khách hàng, đồng thời khách hàng còn được tặng thêm vé vào cổng Khu du lịch miễn phí trong thời gian 01 năm. Do tin tưởng vào các thông tin được Công ty CT cung cấp, có 145 người đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư và nộp tiền đầu tư vào Công ty CT. Tổng số tiền mà bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm đã chiếm đoạt của 145 bị hại là 48.880.507.501 đồng (*Bốn mươi tám tỷ tám trăm tám mươi triệu năm trăm lẻ bảy nghìn năm trăm lẻ một đồng*).

Đến tháng 7 năm 2017, Báo Phụ Nữ online đăng bài phản ánh việc Công ty CT kêu gọi hợp tác đầu tư vào Dự án Khu du lịch chưa được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép là sai quy định thì ngày 08 tháng 07 năm 2017, Võ Thanh L tổ chức cuộc họp về việc triển khai nội dung để trả lời với Cơ quan chức năng về Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH - Hậu Giang (thể hiện qua biên bản họp số 16/BBH/CT-2017 ngày 08/07/2017) và chỉ đạo nhân viên công ty thực hiện thủ tục xin chủ trương đầu tư cho Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH - Hậu Giang. Đến tháng 10 năm 2017, Võ Thanh L chỉ đạo ngừng việc kêu gọi khách hàng hợp tác đầu tư. Đến ngày 15 tháng 11 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ra Quyết định chủ trương đầu tư số 2230/QĐ-UBND đối với dự án này.

2. *Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư vào Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH - Hậu Giang, thanh lý hợp đồng mua phiếu bảo trì tài sản dân dụng của Công ty UMV để mua cổ phần của Công ty CT (thời gian thực hiện từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018):*

Sau khi Báo Phụ Nữ online phản ánh về việc kêu gọi hợp tác đầu tư sai quy định của Công ty CT, đồng thời không có tiền để chi trả cho đại lý của Công ty UMV, Võ Thanh L chỉ đạo Trần Văn L thương lượng, yêu cầu khách hàng thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư vào Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH - Hậu Giang của Công ty CT; thanh lý hợp đồng mua phiếu bảo trì tài sản dân dụng của Công ty UMV để chuyển sang mua cổ phần của Công ty CT.

Võ Thanh L chỉ đạo đưa ra thông tin: người mua cổ phần được sở hữu và sử dụng các tài sản của dự án bất động sản, tài sản của công ty; được hưởng các lợi nhuận tăng thêm từ toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của dự án khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây, đất ở nông thôn sang đất thương mại, dịch vụ; được hưởng lợi nhuận tăng thêm từ nguồn thu hoạt động kinh doanh Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH - Hậu Giang, ngoài ra đối với việc hợp đồng của Công ty UMV, khách hàng còn được tặng thêm 10%, 20%, 30%,... tiền mua cổ phần. Đồng thời Võ Thanh L và Trần Văn L đưa thông tin Công ty UMV ngưng hoạt

động, nếu khách hàng không đồng ý thanh lý hợp đồng sẽ mất hết số tiền đã đầu tư. Võ Thanh L ủy quyền cho Trần Vạn L làm người đại diện Công ty CT ký kết hợp đồng bán cổ phần cho 269 người. Tổng số tiền chiếm đoạt là 49.727.563.715 đồng (*Bốn mươi chín tỷ bảy trăm hai mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm mười lăm đồng*).

Sau khi Công ty CT bán cổ phần cho khách hàng, số cổ phần của 03 (ba) cổ đông sáng lập gồm: Võ Thanh L, Trần Vạn L và Lữ Nhật T không giảm đi mà vẫn có tổng tỷ lệ góp vốn 100% (một trăm phần trăm), khách hàng mua cổ phần không được hưởng quyền lợi của số cổ phần được sở hữu tại Công ty CT và Công ty cũng không hoàn trả tiền đã đầu tư (tiền gốc) cho khách hàng.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức bán cổ phần (thời gian thực hiện từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017):

Cùng với kêu gọi thanh lý hợp đồng của Công ty UMV và hợp đồng hợp tác đầu tư vào Khu du lịch PH để bán cổ phần, Võ Thanh L còn chỉ đạo cho nhân viên đưa thông tin gian dối về các chính sách, quyền lợi khi mua cổ phần của Công ty CT. Võ Thanh L ủy quyền cho Trần Vạn L làm người đại diện Công ty CT ký kết hợp đồng bán cổ phần cho 269 người. Tổng số tiền chiếm đoạt là 2.219.237.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm mười chín triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng*).

Tổng số cổ phần của 03 (ba) cổ đông sáng lập vẫn không thay đổi, việc bán cổ phần không được Công ty CT thông báo với Cơ quan quản lý nhà nước.

4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức bán vé điện tử “ITO” (thời gian thực hiện từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 10 năm 2019):

Do việc kêu gọi hợp tác đầu tư, bán cổ phần không còn thuận lợi, nên Võ Thanh L đã tổ chức nhiều cuộc họp với sự tham dự của Nguyễn Tân Đ, Lê Minh T, Võ Văn S, Lê Thành N, Đỗ Văn T, Lâm Mỹ P và một số thành viên chủ chốt khác trong công ty để bàn bạc về chiến lược kinh doanh vé điện tử (gọi tắt là vé ITO) lấy tiền đầu tư xây dựng Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH - Hậu Giang. Qua cuộc họp mọi người đều thống nhất thực hiện theo ý kiến của Võ Thanh L. Sau đó, Võ Thanh L phân công nhân viên Phòng IT chịu trách nhiệm thiết kế, lập trình website: “ve.phuhuutransport.com” để giao dịch mua bán vé với khách hàng, phân công Nguyễn Tân Đ, Lê Minh T, Võ Văn S, Lê Thành N, Đỗ Văn T và Lâm Mỹ P có nhiệm vụ phát triển thị trường kinh doanh, tìm kiếm khách hàng mua vé ITO, ngoài ra Nguyễn Tân Đ, Võ Văn S và Lê Thành N còn phụ trách thuyết trình tại hội thảo để giới thiệu về Công ty CT, về Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH - Hậu Giang và các chính sách, quyền lợi mà khách hàng được hưởng khi mua vé nhằm thu hút nhiều người đầu tư tiền mua vé ITO của Công ty CT. Ngoài tiền lương, Võ Thanh L còn chi tiền phần trăm (%) doanh số mà Công ty CT thu được từ việc bán vé ITO cho Nguyễn Tân Đ, Võ Văn S và Lê Thành N.

Từ tháng 4 năm 2018, Nguyễn Tân Đ, Lê Minh T, Võ Văn S, Lê Thành N, Đỗ Văn T và Lâm Mỹ P đã tiến hành tìm kiếm khách hàng ở nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước dưới hình thức trực tiếp tư vấn, tìm kiếm khách hàng; mời khách hàng đến Công ty CT tham dự hội thảo để mua vé ITO, đồng thời chi tiền phần trăm (%) theo doanh số mà khách hàng mua vé ITO cho bộ phận kinh doanh tuyển dưới thuộc hệ thống quản lý.

Võ Thanh L chỉ đạo đưa ra thông tin: “Công ty CT đã hoàn thiện xong mọi thủ tục pháp lý theo quy định pháp luật cho Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH - Hậu Giang, công ty cần huy động vốn để đầu tư xây dựng nhiều công trình, hạng mục cho Dự án Khu du lịch để kinh doanh du lịch thông qua việc bán vé ITO” và chính sách, lợi nhuận hấp dẫn cho người mua vé như: tặng thêm vé khuyến mãi, tặng thêm tiền khuyến mãi khi mua vé ITO tại buổi hội thảo,... và hàng tháng công ty cam kết mua lại 10% vé gốc và 10% vé tặng của khách hàng cho đến khi hết số lượng vé trong tài khoản của khách hàng (khách hàng có quyền để 03 tháng bán một lần thì thu số tiền lợi nhuận càng cao), giá vé được công ty mua lại của khách hàng cao hơn giá vé mà công ty bán ra cho khách hàng tùy theo thời điểm, dựa theo biểu đồ tăng giá vé của công ty. Khách hàng mua vé sẽ được công ty tạo cho một tài khoản ID để truy cập vào website: “ve.phuhuutransel.com” thực hiện việc kiểm tra số lượng vé, xuất vé bán cho công ty. thông qua việc huy động vốn dưới hình thức kinh doanh vé ITO, Võ Thanh L, Nguyễn Tân Đ, Lê Minh T, Võ Văn S, Lê Thành N, Đỗ Văn T và Lâm Mỹ P đã chiếm đoạt của 367 với tổng số tiền 50.631.116.746 đồng (*Năm mươi tỷ sáu trăm ba mươi một triệu một trăm mười sáu nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng*).

Tuy nhiên, tại Công văn số 834/TMĐT-QL ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số thuộc Bộ Công thương trả lời: Website “ve.phuhuutransel.com” chưa được Công ty CT thực hiện thủ tục thông báo website thương mại điện tử bán hàng với Bộ Công thương theo quy định, chưa tiến hành đăng ký hoạt động.

5. *Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức bán vé giấy vào cổng tham quan Khu du lịch có hợp đồng (Hợp đồng đại lý, hợp đồng đại lý bán vé du lịch, thời gian thực hiện từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 9 năm 2019):*

Để thu hút nhiều người tham gia làm đại lý bán vé, Võ Thanh L đưa ra chính sách, quyền lợi là khi đại lý mua vé được công ty bán sỉ với giá 20.000 đồng/vé, đại lý bán lẻ cho khách tham quan 60.000 đồng/vé, nếu đại lý không bán ra thì hàng tháng công ty quy đổi số vé ra để hoàn trả tiền cho đại lý tùy theo giá trị hợp đồng, ví dụ như gói đầu tư 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) thì hàng tháng công ty quy đổi 400 vé để thanh toán cho đại lý số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*), gói đầu tư 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) thì hàng tháng công ty quy đổi 600 vé để thanh toán cho đại lý số tiền 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*),... trong thời hạn một năm khi đại lý đã bán vé thì công ty hỗ trợ cho đại lý 3.000.000 đồng/tháng/4 năm làm chi phí Marketing và công ty còn tặng ví cổ đồng cho 1.000 (*Một ngàn*) khách hàng đầu tiên tham gia làm đại lý bán vé để hàng ngày công ty trích ra 10% doanh thu từ việc bán vé vào cổng chính Khu du lịch, vé vào cổng các địa điểm du lịch trong Khu du lịch cho đại lý sở hữu ví cổ đồng, thể hiện trong hợp đồng đại lý. Võ Thanh L là người đại diện Công ty ký hợp đồng với đại lý.

Nhưng do khách hàng chủ yếu đầu tư mua vé ITO, nên để huy động được nhiều vốn và hợp thức hóa việc kinh doanh vé ITO nhằm đối phó với Cơ quan điều tra, Võ Thanh L chỉ đạo cấp dưới chuyển đổi việc kinh doanh vé ITO sang hình thức kinh doanh vé giấy có hợp đồng (loại hình bán vé này cơ bản giống như vé

ITO, nhưng công ty không tặng thêm vé khuyến mãi và được giao dịch dưới hình thức “Hợp đồng đại lý bán vé du lịch” thay cho tài khoản ID).

Võ Thanh L cùng với Nguyễn Tân Đ, Lê Minh T, Võ Văn S, Lê Thành N, Đỗ Văn T và Lâm Mỹ P, thông qua việc huy động vốn dưới hình thức kinh doanh vé giấy có hợp đồng, đã chiếm đoạt của 115 bị hại với tổng số tiền là 8.475.396.350 đồng (*Tám tỷ bốn trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi đồng*).

Tổng cộng chung Võ Thanh L cùng đồng phạm đã chiếm đoạt của 817 người bị hại với tổng số tiền là 159.933.821.312 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 05/02/2021 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang kết luận:

- Giá trị Quyền sử dụng đất tại thời điểm thẩm định tháng 3 năm 2017 là 25.245.953.400 đồng gồm: Phần thuộc chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang là 7.774.773.000 đồng; Phần không thuộc chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang là 17.471.180.400 đồng.

- Giá trị tài sản (bao gồm quyền sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất và tài sản khác), tại thời điểm thẩm định tháng 9 năm 2019 là 47.986.261.279 đồng, trong đó: Phần thuộc chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang là 21.836.900.950 đồng (gồm Quyền sử dụng đất là 11.017.271.000 đồng; Công trình xây dựng là 10.168.355.650 đồng; Cây trồng là 431.071.300 đồng; Vật dụng, thiết bị văn phòng đã qua sử dụng là 220.203.000 đồng); Phần không thuộc chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang là 26.149.360.329 đồng gồm: Quyền sử dụng đất là 23.071.198.400 đồng; Công trình xây dựng là 1.839.903.929 đồng; Cây trồng là 1.125.584.000 đồng; Vật dụng, thiết bị văn phòng đã qua sử dụng là 112.674.000 đồng (kèm theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2).

Ngoài ra, trong tổng diện tích đất theo Yêu cầu định giá số 08/YC-VPCQCSĐT của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hậu Giang thì bị cáo Võ Thanh L đã thế chấp cho các cá nhân, tổ chức như sau:

- + Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Trần Tấn P triển Việt Nam - Phòng Giao dịch Châu Thành A quản lý các thửa đất: 600, 874, 499, 597, 599, 730, 484, 472, 831, 623, 451, 453, 932 thuộc tờ bản đồ số 09 và thửa 78 thuộc tờ bản đồ số 26.

- + Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1951, địa chỉ: Số 69 đường Đ, phường B, quận B, TP. Cần Thơ quản lý các thửa đất số: 449, 450, 452, 467, 468, 469, 470, 447, 480, 481, 485, 572, 573, 759, 875 thuộc tờ bản đồ số 09 và thửa đất số 916, tờ bản đồ số 09.

- + Ông Lê Hùng Q, sinh năm: 1964, địa chỉ: Số 31 đường L, khóm 1, phường 4, thành phố T, tỉnh Trà Vinh quản lý các thửa đất số: 742, 800, 630, 729 thuộc tờ bản đồ số 9.

+ Ông Trần Thanh T, sinh năm: 1967, địa chỉ: Ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang quản lý thửa đất số 466 thuộc tờ bản đồ số 9.

+ Bà Tạ Tuyết N, sinh năm: 1958, địa chỉ: Tổ 1, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai đang quản lý 01 (một) thửa đất thuộc sở hữu của bị cáo Võ Thanh L (chưa xác định được số thửa).

Tại Cáo trạng số: 30/CT-VKS-P1 ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, đã truy tố các bị cáo Võ Thanh L, Trần Vạn L, Lữ Nhựt T, Nguyễn Tân Đ, Trần Tấn P, Phạm Minh H, Lê Minh T, Võ Văn S, Lê Thành N và Đỗ Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với Lâm Mỹ P đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã có quyết định truy nã, đến khi bắt được sẽ xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2022/HS-ST ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo: Võ Thanh L, Trần Vạn L, Lữ Nhựt T, Nguyễn Tân Đ, Trần Tấn P, Phạm Minh H, Lê Minh T, Võ Văn S, Lê Thành N và Đỗ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 39; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Thanh L.

Xử phạt bị cáo Võ Thanh L tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 11 năm 2019.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Vạn L.

Xử phạt bị cáo Trần Vạn L 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2020.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lữ Nhựt T.

Xử phạt bị cáo Lữ Nhựt T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2020.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tân Đ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tân Đ 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2020.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Minh T.

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 01 năm 2021.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Văn S.

Xử phạt bị cáo Võ Văn S 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 01 năm 2021.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thành N.

Xử phạt bị cáo Lê Thành N 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 01 năm 2021.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn T.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 01 năm 2021.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Tấn P.

Xử phạt bị cáo Trần Tấn P 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2020.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s, t, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Minh H.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh H 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 12 tháng 01 năm 2021 đến ngày 05 tháng 11 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự và các điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự;

- Buộc các bị cáo Võ Thanh L, Trần Vạn L, Lữ Nhật T, Nguyễn Tân Đ, Trần Tấn P, Phạm Minh H, Lê Minh T, Võ Văn S, Lê Thành N và Đỗ Văn T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt tổng cộng là 159.933.821.312 đồng (*Một trăm năm mươi chín tỷ chín trăm ba mươi ba triệu tám trăm hai mươi một nghìn ba trăm mười hai đồng*) cho 817 bị hại (Chi tiết theo Phụ lục số 01 và 02 bút lục số 01BS - 164BS).

Trong đó:

Bị cáo Võ Thanh L phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả với tổng số tiền theo phần của bị cáo 131.415.766.674đ (*Một trăm ba mươi một tỷ bốn trăm mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng*), được khấu trừ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu) đồng, còn lại số tiền 131.395.766.674đ (Một

trăm ba mươi một tỷ ba trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng).

Bị cáo Trần Văn L phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả với tổng số tiền theo phần của bị cáo là 14.631.985.521đ (*Mười bốn tỷ sáu trăm ba mươi một triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi một đồng*), được khấu trừ số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), còn lại số tiền 14.621.985.521đ (*Mười bốn tỷ sáu trăm hai mươi một triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi một đồng*).

Bị cáo Lữ Nhật T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả với tổng số tiền theo phần của bị cáo là 335.600.000đ (*Ba trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền 15.400.000đ (*Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*), còn lại số tiền 320.200.000đ (*Ba trăm hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Bị cáo Nguyễn Tân Đ phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả với tổng số tiền theo phần của bị cáo là 4.556.442.933đ (*Bốn tỷ năm trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm ba mươi ba đồng*), được khấu trừ số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), còn lại số tiền 4.546.442.933đ (*Bốn tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm ba mươi ba đồng*).

Bị cáo Trần Tấn P phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả với tổng số tiền theo phần của bị cáo là 2.108.147.482đ (*Hai tỷ một trăm lẻ tám triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng*), được khấu trừ số tiền 270.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*), còn lại số tiền 1.838.147.482đ (*Một tỷ tám trăm ba mươi tám triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng*).

Bị cáo Phạm Minh H phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả với tổng số tiền theo phần của bị cáo là 231.343.262đ (*Hai trăm ba mươi một triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng*), được khấu trừ số tiền 20.312.718đ (*Hai mươi triệu ba trăm mười hai nghìn bảy trăm mười tám đồng*), còn lại số tiền 211.030.544đ (*Hai trăm mười một triệu không trăm ba mươi nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng*).

Bị cáo Lê Minh T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả với tổng số tiền theo phần của bị cáo là 3.493.411.188đ (*Ba tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu bốn trăm mười một nghìn một trăm tám mươi tám đồng*).

Bị cáo Võ Văn S phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả với tổng số tiền theo phần của bị cáo là 1.214.310.374đ (*Một tỷ hai trăm mười bốn triệu ba trăm mười nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng*), được khấu trừ số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), còn lại số tiền 1.209.310.374đ (*Một tỷ hai trăm lẻ chín triệu ba trăm mười nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng*).

Bị cáo Lê Thành N phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả với tổng số tiền theo phần của bị cáo là 1.356.122.830đ (*Một tỷ ba trăm năm mươi sáu triệu một trăm hai mươi hai nghìn tám trăm ba mươi đồng*), được khấu trừ số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), còn lại số tiền 1.346.122.830đ (*Một tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu một trăm hai mươi hai nghìn tám trăm ba mươi đồng*).

Bị cáo Đỗ Văn T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả với tổng số tiền theo phần của bị cáo là 590.691.049đ (*Năm trăm chín mươi triệu sáu trăm chín*

mười một nghìn không trăm bốn mươi chín đồng), được khấu trừ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), còn lại số tiền 580.691.049đ (Năm trăm tám mươi triệu sáu trăm chín mươi một nghìn không trăm bốn mươi chín đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về các vấn đề khác; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 01/4/2022, bị cáo Nguyễn Tân Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có 03 con còn nhỏ, mẹ già yếu.

- Ngày 04/4/2022, bị cáo Phạm Minh H có đơn kháng cáo kêu oan với nội dung: 21 bị hại do bản án sơ thẩm xác định gây thiệt hại là không đúng vì bị cáo được phân công phụ trách khu vực Đông nam Bộ còn bị hại thuộc tỉnh Trà Vinh nên buộc bị cáo bồi thường thiệt hại 20% số tiền cho 21 bị hại là không đúng; ngoài ra bị cáo là người làm công ăn lương việc bị cáo triển khai kêu gọi góp vốn cho cấp dưới thực hiện chỉ đơn thuần là làm theo kế hoạch kinh doanh của Tổng Giám đốc ban hành; bị cáo tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội thông qua việc bị cáo đi tố cáo bị cáo Võ Thanh L nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét; ngoài ra bị cáo có tham gia hợp đồng hợp tác đầu tư nhưng chưa được xem xét.

- Ngày 04/4/2022, bị cáo Lữ Nhật Lữ Nhật T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và yêu cầu xem xét lại phân trách nhiệm dân sự, không đồng ý bồi thường số tiền 335.600.000 đồng; không có góp vốn 20% để thành lập công ty.

- Ngày 04/4/2022, bị cáo Trần Vạn L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không đồng ý bồi thường cho các bị hại 14 tỷ đồng về phân trách nhiệm dân sự.

- Ngày 05/4/2022, bị cáo Lê Minh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về lo cho cha mẹ già và các con còn nhỏ đang trong tuổi ăn học. Ngày 15/5/2022 có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu xem xét số tiền do bị cáo đã đầu tư vào công ty chưa được khấu trừ; không đồng ý bồi thường thiệt hại cho các bị hại vì bị cáo không có sử dụng tiền mà giao nộp về cho công ty, bị cáo chỉ là người làm công ăn lương.

- Ngày 05/4/2022, bị cáo Võ Thanh L có đơn kháng cáo với nội dung khoản nợ khách hàng từ công ty UMV thỏa thuận chuyển sang công ty CT với hình thức góp vốn đầu tư tổng cộng khoảng 50 tỷ, đề nghị tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự; chưa điều tra làm rõ trong khoảng tiền đã thu của bị hại đã chi một phần chi hoàn trả cho bị hại; chi trả khoản nợ cho ước mơ việt; chi một phần chi đầu tư xây dựng tại khu du lịch, chi phí vận hành doanh nghiệp chứng tỏ bị cáo không sử dụng vào mục đích cá nhân thậm chí còn góp thêm vốn vào công ty CT; đề nghị trong 816 bị hại có trên 100 bị hại là nhân viên của công ty có nhận tiền hoa hồng của công ty nên đề nghị được khấu trừ do trong quá trình xác nhận công nợ chưa được trừ ra; đối với 15 thửa đất do vay tiền thế chấp cầm cố cho ông Nguyễn Minh Tân nhưng trên thực tế làm hợp đồng chuyển nhượng nên đề nghị ngăn chặn không cho ông Tân được quyền sử dụng đất; đề nghị thẩm định giá lại tài sản để bán khắc phục cho các bị hại.

- Ngày 04/4/2022, bị hại Trần Thúy L kháng cáo không đồng ý tuyên buộc bị cáo Trần Vạn L có trách nhiệm liên đới bồi thường. Bà Trần Thúy L yêu cầu bị cáo Võ Thanh L có trách nhiệm trả cho bà số tiền 1.995.682.746 đồng.

- Ngày 04/4/2022, bị hại Lê Thị Mỹ L kháng cáo không đồng ý tuyên buộc bị cáo Trần Vạn L có trách nhiệm liên đới bồi thường. Bà Lê Thị Mỹ L yêu cầu bị cáo Võ Thanh L có trách nhiệm trả cho bà số tiền 153.775.000 đồng.

- Ngày 04/4/2022, bị hại Ngô Bình L kháng cáo không đồng ý tuyên buộc bị cáo Trần Vạn L có trách nhiệm liên đới bồi thường. Ông Ngô Bình L yêu cầu bị cáo Võ Thanh L có trách nhiệm trả cho ông số tiền 453.100.000 đồng.

Ngày 04/4/2022, bị hại Lê Kim T kháng cáo không đồng ý tuyên buộc bị cáo Trần Vạn L có trách nhiệm liên đới bồi thường. Bà Lê Kim T yêu cầu bị cáo Võ Thanh L có trách nhiệm trả cho bà số tiền 1.957.498.000 đồng.

- Ngày 04/4/2022, bị hại Ngô Minh K kháng cáo không đồng ý tuyên buộc bị cáo Trần Vạn L có trách nhiệm liên đới bồi thường. Bà Ngô Minh K yêu cầu bị cáo Võ Thanh L có trách nhiệm trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 04/4/2022, bị hại Bùi Thị H kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm, buộc bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm có trách nhiệm bồi thường về dân sự cho bà.

- Ngày 04/4/2022, bị hại Võ Văn T kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm, buộc bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm có trách nhiệm bồi thường về dân sự cho ông.

- Ngày 06/4/2022, bị hại Trần Thị Đ kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm, buộc bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm có trách nhiệm bồi thường về dân sự cho bà.

- Ngày 06/4/2022, bị hại Trần Thị Đơn P kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm, buộc bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm có trách nhiệm bồi thường về dân sự cho bà.

Ngày 06/4/2022, bị hại Mạch Thị T kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm, buộc bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm có trách nhiệm bồi thường về dân sự cho bà.

- Ngày 07/4/2022, bị hại Trần Thị Anh K kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm, tăng mức bồi thường.

- Ngày 04/4/2022, bị hại Trần Thị Tường O kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm, buộc bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm có trách nhiệm bồi thường về dân sự cho bà.

- Ngày 19/4/2022, bị hại Phạm Thị Hoài V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 25/4/2022, bị hại Nguyễn Thị Bích N kháng cáo yêu cầu xác định số tiền bồi thường cho bà là 2 tỷ đồng trong khi án sơ thẩm chỉ giải quyết buộc các bị cáo bồi thường cho bà 556.701.907 đồng.

- Ngày 06/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc L kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

- Ngày 12/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T kháng cáo yêu cầu xác định bà là người bị hại trong vụ án và yêu cầu các bị cáo trong vụ án phải bồi thường cho bà số tiền mà bà đã thiệt hại là 660.000.000 đồng.

- Ngày 13/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vi Thùy D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị cáo Võ Thanh L bồi thường cho bà số tiền 327.150.000 đồng.

- Ngày 13/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị cáo Võ Thanh L bồi thường cho ông số tiền 120.000.000 đồng.

- Ngày 19/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Huỳnh M kháng cáo yêu cầu xác định bà là bị hại trong vụ án.

- Ngày 20/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị cáo bồi thường cho ông số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 27/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Trúc H kháng cáo yêu cầu Tòa án giải quyết xem xét lại cho bà.

- Ngày 05/5/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Đức L kháng cáo yêu cầu Tòa án yêu cầu buộc các bị cáo hoàn trả lại cho Đại lý số 1 tại Lạng Sơn số tiền 500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị cáo Võ Thanh L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị xem xét lại số tiền 49.727.536.715 đồng vì bị cáo không có cố tình lừa đảo đối với các bị hại, các bị hại đều tự nguyện ký hợp đồng hợp tác đầu tư, mua cổ phần của công ty CT, tại Công văn ngày 25/5/2018 cảnh sát điều tra đã xác định là quan hệ dân sự do đó bị cáo không có tội. Ngoài ra các bị hại đều có nhận tiền hoa hồng nhưng khi buộc bồi thường chưa khấu trừ số tiền hoa hồng mà các bị hại đã nhận; Án sơ thẩm xác định bị cáo phát hành vé điện tử là không đúng. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải bồi thường 131 tỷ là không đúng. Danh sách bị hại ghi không đúng, do đó đề nghị hủy án sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Văn L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu xem xét lại phần trách nhiệm dân sự vì bị cáo thực hiện theo sự chỉ đạo của Võ Thanh L không có nhận lương và hoa hồng. Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Lữ Nhật T giữ nguyên kháng cáo yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt và về bồi thường thiệt hại vì Chương trình hợp tác đầu tư, có 10 bị hại thì trong đó có 8 người là Trưởng văn phòng của UMV, 2 người còn lại bị cáo không biết, nhưng cơ quan điều tra buộc bị cáo chịu trách nhiệm đối với các bị hại này là không hợp lý.

- Bị cáo Nguyễn Tân Đ giữ nguyên kháng cáo yêu cầu xem xét phần bồi thường thiệt hại vì bị cáo chỉ được hưởng lợi 1% theo doanh thu và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Lê Minh T do nhận thức kém nên phải chịu trách nhiệm hình sự nên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có cha mẹ già và con còn nhỏ và xin xem xét lại phần trách nhiệm dân sự.

- Bị cáo Phạm Minh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự và phân hình sự đối với bị cáo, bị cáo làm công ăn lương làm theo sự chỉ đạo của Võ Thanh L trong thời gian 3 tháng khi thấy có dấu hiệu lừa đảo bị cáo đã làm đơn tố giác. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường 211.030.544 đồng, khách hàng có đơn giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Các bị cáo Lê Thành N, Đỗ Văn T, Võ Văn S, Trần Tấn P trình bày ý kiến: Bị cáo Lê Thành N đề nghị xem xét lại tiền án phí án phí dân sự bắt buộc bị cáo đóng 52 triệu trong khi đó số tiền gây ra hậu quả của bị cáo là 46 tỷ, phần của bị cáo Võ Văn S 48 tỷ mà chỉ phải đóng án phí là 48 triệu. Về phần trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại phần trách nhiệm dân sự của bị cáo; Bị cáo Đỗ Văn T khai bị cáo có cha hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, có mẹ là Mẹ Việt Nam anh hùng. Bị cáo gia đình khó khăn, xin Hội đồng xét xử giảm án phí cho bị cáo; Bị cáo Võ Văn S xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo. Các bị hại kháng cáo tăng hình phạt là chưa hợp lý mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo. Gia đình bị cáo có bà nội của bị cáo là người có công với cách mạng, bị cáo từng đi nghĩa vụ quân sự và được giấy khen. Từ những tình tiết trên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Trần Tấn P khai do không hiểu biết pháp luật nên làm theo sự chỉ đạo của Võ Thanh L, xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Các bị hại Trần Thúy L, Lê Thị Mỹ L, Ngô Bình L, Lê Kim T, Ngô Minh K, Võ Văn T, Bùi Thị H, Trần Thị Đ, Trần Thị Tường O, Trần Thị Đơn P, Mạch Thị T, Trần Thị Anh K, Phạm Thị Hoài V kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự cho rằng mức bồi thường chưa phù hợp yêu cầu xác định về mức bồi thường và yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị hại Nguyễn Thị Bích N giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu xác định tiền bồi thường cho bà là 2 tỷ đồng trong khi án sơ thẩm chỉ giải quyết buộc các bị cáo bồi thường cho bà 556.701.907 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Huỳnh M kháng cáo đề nghị xác định lại tư cách tham gia tố tụng là bị hại, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Nguyên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Trúc H kháng cáo yêu cầu Tòa án giải quyết xem xét lại cho bà, vắng mặt tại phiên tòa.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N, bà Vi Thùy D, ông Nguyễn C, ông Bùi Đức L, bà Hoàng Thị T kháng cáo yêu cầu thay đổi tư cách tham gia tố tụng là bị hại và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng hình sự; các đơn kháng cáo của các bị cáo Võ Thanh L, Trần Vạn L, Lữ Nhựt T, Nguyễn Tân Đ, Phạm Minh H, Lê Minh T; đơn kháng cáo của những người bị hại Trần Thúy L, Lê Thị Mỹ L, Ngô Bình L, Lê Kim T, Ngô Minh K, Trần Thị Đ, Bùi Thị H, Trần Thị Đơn P, Mạch Thị T, Võ Văn T, Phạm Thị Hoài V, Trần Thị Anh K, Nguyễn Thị Bích N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Huỳnh M, Trần Văn N, Nguyễn C, Vi Thùy D, Bùi Đức L (đại

diện đại lý số 1 tại Lạng Sơn của Bùi Đức L), Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Ngọc L, Lê Thị Trúc H đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy Bản án sơ thẩm xác định các bị cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 817 bị hại. Trong vụ án, bị cáo Võ Thanh L là người chủ mưu cầm đầu thì các bị cáo khác là đồng phạm giúp sức, các bị cáo có vai trò là người làm công được bị cáo Võ Thanh L trả hoa hồng. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chưa làm rõ số tiền thu lợi bất chính của từng bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo này nộp lại tiền để trả cho các bị hại và ấn định đối với các bị cáo phải liên đới chịu trách nhiệm 20% đối với tài sản mà bị cáo Võ Thanh L đã chiếm đoạt tiền của các bị hại trên 159 tỷ đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật vì toàn bộ số tiền này là bị cáo Võ Thanh L tự ý sử dụng vào nhiều mục đích nhưng chưa được điều tra làm rõ. Nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ lại, xét xử theo quy định của pháp luật.

- *Luật sư Trương Hoài P bào chữa cho bị cáo Lê Minh T trình bày ý kiến:* Bị cáo Lê Minh T ở vai trò là làm công ăn lương, thực hiện những chính sách công ty đưa ra để được hưởng hoa hồng. Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Lê Minh T đồng phạm chúng tôi thấy rằng chưa được làm rõ số tiền bị cáo Lê Minh T đã chiếm đoạt là bao nhiêu. Đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát là hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại làm rõ vai trò của từng bị cáo. Nếu như Hội đồng xét xử không hủy án thì đề nghị xem xét lại mức án của bị cáo Lê Minh T có 2 tình tiết giảm nhẹ hình phạt, nhưng mức án sơ thẩm đã tuyên phạt quá nặng. Vì vậy đề nghị xử bị cáo Lê Minh T từ 12 năm đến 12 năm 6 tháng tù là tương xứng với hành vi của bị cáo.

- *Luật sư Trương Hoài P bào chữa cho bị cáo Trần Tấn P trình bày ý kiến:* Các bị hại kháng cáo tăng hình phạt là không có căn cứ. Bị cáo Trần Tấn P không kháng cáo xin giảm án. Nếu như Hội đồng xét xử không hủy án, nếu có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khác thì đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo Trần Tấn P là phù hợp.

- *Luật sư Tôn Huỳnh Văn H bào chữa cho bị cáo Võ Văn S trình bày ý kiến:* Không tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát. Các bị hại kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo nhưng qua phần xét hỏi tại phiên tòa thể hiện bị cáo Võ Văn S chỉ là người làm công ăn lương, thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo Võ Thanh L là người chủ mưu của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền buộc bị cáo trách nhiệm liên đới bồi thường, xem xét lại kháng cáo của những bị hại về tăng mức hình phạt và tăng mức bồi thường trách nhiệm dân sự.

- *Luật sư Tôn Huỳnh Văn H bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn T trình bày ý kiến:*

Đối với bị cáo Đỗ Văn T, hoạt động theo sự cho phép của bị cáo Võ Thanh L bằng văn bản ủy quyền cụ thể. Tại phiên tòa hôm nay cũng thừa nhận là bị cáo có thực hiện những chính sách của công ty CT, và cấp trên chỉ đạo như thế nào thì bị cáo chỉ làm theo như vậy, với vai trò của người làm công ăn lương. Đối với phần bồi thường trách nhiệm dân sự theo kháng cáo của các bị hại thì cũng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo trách nhiệm hình phạt để xem xét theo quy định của pháp luật.

- *Luật sư Nguyễn Ngọc D bào chữa cho bị cáo Lê Thành N trình bày ý kiến:*
Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát. Các bị hại kháng cáo yêu cầu tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Thành N là không có căn cứ. Căn cứ vào lời khai của bị cáo thì bị cáo chỉ làm việc qua sự chỉ đạo của bị cáo Võ Thanh L. Trên thực tế bị cáo Lê Thành N giữ chức vụ Giám đốc công ty kinh doanh thị trường số 1 và Phó tổng Giám đốc công ty kinh doanh thị trường số 4 chỉ là hình thức. Bị cáo Lê Thành N hoàn toàn không biết dự án khu du lịch PH không đủ điều kiện để kêu gọi đầu tư, bị cáo không có quyền quyết định đến hoạt động của công ty. Tại buổi phỏng vấn, thuyết trình, chia sẻ thông tin với khách hàng bản thân bị cáo Lê Thành N chỉ được xem tài liệu của công ty cấp, khả năng của bị cáo không thể tự chủ kêu gọi khách hàng vào công ty CT. Về trách nhiệm dân sự, Bản án sơ thẩm buộc bị cáo Lê Thành N liên đới hoàn trả số tiền 1.356.122.830 đồng, trên thực tế bị cáo Lê Thành N chỉ hưởng lương hàng tháng, không có hưởng lợi. Bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên. Đề nghị Hội đồng xét xử mức độ phạm tội, trách nhiệm của bị cáo khi thực hiện hành vi theo vai trò của bị cáo trong vụ án này, bị cáo có nhân thân tốt, trụ cột gia đình, con nhỏ, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực khắc phục hậu quả, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Luật sư Nguyễn Ngọc D bào chữa cho bị cáo Trần Vạn L trình bày ý kiến:*
Không tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát. Bị cáo Trần Vạn L giữ chức vụ Phó tổng Giám đốc điều hành ngày 11/5/2017 đến ngày 9/5/2019 nghỉ việc, trong thời gian làm việc bị cáo Trần Vạn L là người đại diện cho Công ty CT trực tiếp ký hợp đồng hợp tác đầu tư, hợp đồng mua bán cổ phần theo ủy quyền của bị cáo Võ Thanh L. Mặc dù bị cáo Trần Vạn L là cổ đông nắm giữ 20% cổ phần của công ty nhưng bị cáo Trần Vạn L chỉ thực hiện theo sự ủy quyền của bị cáo Võ Thanh L. Bị cáo Trần Vạn L không nắm được quyền điều hành và đưa ra quyết định có liên quan đến hoạt động của công ty. Bị cáo chỉ đại diện cho Công ty CT ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư, bán cổ phần theo ủy quyền của bị cáo Võ Thanh L, ngoài việc ký hợp đồng thì bị cáo không tham gia vào bất cứ các hoạt động nào khác của công ty CT, bị cáo Trần Vạn L không có hưởng lợi. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Trần Vạn L như tự nguyện hợp tác với cơ quan tố tụng, thành khẩn khai báo góp phần giúp cơ quan tố tụng nhanh chóng giải quyết vụ án, trong giai đoạn xét xử bị cáo lợi cũng ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, gia đình có công cách mạng huy chương kháng chiến chống Mỹ, bị cáo có con nhỏ, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- *Luật sư Phan Văn H bào chữa cho bị cáo Phạm Minh H trình bày ý kiến:*
Thông nhất với ý kiến của Viện kiểm sát. Trong 21 bị hại quy kết cho bị cáo Phạm Minh H là khách hàng cũ của UMOV. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Võ Thanh L đã có thừa nhận và được cơ quan cảnh sát điều tra tỉnh Hậu Giang xác định bằng văn bản đang có hiệu lực pháp luật đó là Quyết định không khởi tố vụ án hình sự ngày 25/5/2018 trong đó có 21 bị hại của bị cáo Phạm Minh H gây ra theo xác định của cơ quan tố tụng. Đến nay văn bản này vẫn đang có hiệu lực pháp luật như vậy rõ ràng giá trị chứng cứ về vụ án này là chưa ổn. Trong 13 bị hại ở khu vực khác, khu vực Trà Vinh không phải do bị cáo Phạm Minh H phụ trách. Bị cáo Phạm Minh H

được bổ nhiệm làm Phó tổng Giám đốc tập sự, tại phiên tòa hôm nay bị cáo Võ Thanh L thừa nhận bị cáo Phạm Minh H không tham gia ký kết hợp đồng đang trong giai đoạn học việc và không có lợi ích nào, vì vậy quy kết bị cáo gây ra thiệt hại 232 triệu là không có căn cứ. Mặc dù bị cáo không gây ra thiệt hại nhưng sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo chủ động khắc phục hậu quả toàn bộ là 232 triệu cho bị hại theo bản án sơ thẩm. Nếu theo nhận định này của bản án sơ thẩm, bị cáo phạm tội chiếu theo quy định của pháp luật tại khoản 3 điều 174, bị cáo có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt nên mức án 7 năm 6 tháng tù hoàn toàn không phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát để hủy toàn bộ bản án đưa về điều tra xét xử lại.

- *Luật sư Trương Hoàng S bào chữa cho bị cáo Lữ Nhựt T trình bày ý kiến:* Trong vụ án này bị cáo Võ Thanh L là người chủ mưu chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động lừa đảo, trong đó hành vi thứ nhất là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua phương thức hợp tác đầu tư, thời gian thực hiện phương thức hợp tác đầu tư được thực hiện từ tháng 4/2017 đến tháng 10/2017 chỉ diễn ra trong gần 6 tháng. Trong đó đối với bị cáo Lữ Nhựt T chỉ tham gia với chức vụ Phó tổng giám đốc từ ngày 01/5/2017 chỉ sau 2 tháng với việc phụ trách Miền Trung, Tây Nguyên cho đến tháng 7/2017 bị cáo Lữ Nhựt T đã xin nghỉ việc thì trong giai đoạn này bị cáo Lữ Nhựt T chỉ tham gia 2 tháng chỉ bằng 1/3 giai đoạn hợp tác đầu tư. Thời gian này bị cáo Lữ Nhựt T thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo Võ Thanh L kêu gọi đầu tư, trong thời gian này bị cáo Lữ Nhựt T không hưởng lợi gì và không tham gia hoạt động gì. Về số tiền chiếm đoạt bị cáo Võ Thanh L đã chiếm đoạt chứ bị cáo Lữ Nhựt T không nhận bất cứ hưởng lợi nào. Do đó đề nghị bị cáo Lữ Nhựt T không phải chịu trách nhiệm hình sự cũng như trách nhiệm dân sự trong vụ án này. Bị cáo Lữ Nhựt T có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 khoản 2 của Điều 51 Bộ luật hình sự như sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai, ăn năn về hành vi của mình. Ngoài ra gia đình bị cáo có người có công cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 174 để xét xử bị cáo Lữ Nhựt T từ 2 năm đến 2 năm 06 tháng tù là phù hợp. Về trách nhiệm dân sự bị cáo Lữ Nhựt T không phải chịu trách nhiệm với thiệt hại 3.356.000.000 đồng.

- *Luật sư Trần Bá K bào chữa cho bị cáo Lữ Nhựt T trình bày ý kiến:* Thống nhất với Luật sư Trương Hoàng S, đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 174 để xét xử bị cáo Lữ Nhựt T đồng thời xem xét toàn diện vụ án. Bị cáo Lữ Nhựt T đã khắc phục hậu quả 15 triệu đồng cho bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- *Luật sư Trần Ngọc T bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tân Đ trình bày ý kiến:* Thống nhất với Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị hủy án sơ thẩm do số tiền quy kết cho các bị cáo bồi thường là chưa có căn cứ. Nếu Hội đồng xét xử không hủy án thì tôi đề nghị như sau: Do bị cáo Nguyễn Tân Đ không có thu lợi bất chính, không chiếm đoạt chiếm đoạt số tiền của bị hại tuy nhiên là bị cáo Nguyễn Tân Đ thấy rằng bị cáo Nguyễn Tân Đ có hành vi giúp sức gây thiệt hại thì bị cáo định đã tự nộp số tiền 10 triệu đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Nguyễn Tân Đ thống nhất để cơ quan tố tụng dùng chiếc xe của bị cáo đang bị giữ để khắc phục hậu quả, trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Tân Đ đã thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo có người có công cách mạng đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Về phần

trách nhiệm dân sự: Bị cáo Võ Thanh L đã trình bày bị cáo Võ Thanh L sử dụng số tiền thu được của khách hàng để trả lương và đầu tư vào xây dựng Khu du lịch PH nhưng án sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Tân Đ chịu trách nhiệm dân sự đối với số tiền chiếm đoạt là không có căn cứ.

- *Luật sư Phạm Xuân T bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tân Đ trình bày ý kiến:* Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Nếu không hủy án cần tuyên rõ trách nhiệm bồi thường.

- *Luật sư Huỳnh Quốc N bào chữa cho bị cáo Võ Thanh L trình bày ý kiến:* Đồng ý với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Trong tổng số tiền 159 tỷ kết luận cho rằng các bị cáo chiếm đoạt, trong đó có 269 bộ hồ sơ giá trị 50 tỷ chuyển từ Công ty UMV chuyển qua chứ không có nhận tiền, hơn nữa trong hơn 800 bộ hồ sơ mà cho rằng bị cáo Võ Thanh L và các bị cáo chiếm đoạt thì toàn bộ đều nhận hoa hồng hết thì con số thực tế chuyển vào công ty CT là bao nhiêu, số tiền nhận hoa hồng là bao nhiêu, bị cáo Võ Thanh L nhận bao nhiêu, các bị cáo khác nhận bao nhiêu tiền trong 159 tỷ là chưa được làm rõ mà lại chia trách nhiệm dân sự là 20% và 80% là chưa phù hợp. Đối với vé điện tử ITO đây không phải vé điện tử mà là tài khoản để quản lý đối với từng khách hàng. Quá trình điều tra cơ quan điều tra không chứng minh được bị cáo chiếm đoạt từ vé điện tử này. Mong Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát hủy bản án sơ thẩm.

- *Luật sư Nguyễn Bá T bào chữa cho bị cáo Võ Thanh L trình bày ý kiến:* Thống nhất với ý kiến của Luật sư Huỳnh Quốc N. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Võ Thanh L, Trần Văn L, Lữ Nhựt T, Nguyễn Tân Đ, Phạm Minh H, Lê Minh T; đơn kháng cáo của những người bị hại Trần Thúy L, Lê Thị Mỹ L, Ngô Bình L, Lê Kim T, Ngô Minh K, Trần Thị Đ, Bùi Thị H, Trần Thị Đơn P, Mạch Thị T, Võ Văn T, Phạm Thị Hoài V, Trần Thị Anh K, Trần Thị Tường O, Nguyễn Thị Bích N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Huỳnh M, Trần Văn N, Nguyễn C, Vi Thùy D, Bùi Đức L (đại diện đại lý số 1 tại Lạng Sơn của Bùi Đức L), Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Ngọc L, Lê Thị Trúc H đều đảm bảo đúng hình thức, trong thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Đối với bị cáo Đỗ Văn T; các bị hại Nguyễn Thị P, Dương Thị Nh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Minh T, bà Phạm Thị Hồng N, ông Lữ Văn T kháng cáo quá hạn. Tại Quyết định số 09/2022/HSPT-QĐ ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định không chấp nhận kháng cáo quá hạn của bị cáo Đỗ Văn T, bị hại bà Nguyễn Thị P, bà Dương Thị N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Minh T, bà Phạm Thị Hồng N, ông Lữ Văn T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc L rút toàn bộ kháng cáo. Xét việc rút kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc L là hoàn toàn tự

nguyên phù hợp với quy định của pháp luật nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc L theo quy định tại Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác như các bản hợp đồng, chứng từ kế toán, kết quả định giá tài sản, biên bản xác minh... cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ có căn cứ xác định: Từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 10 năm 2017 Võ Thanh L chỉ đạo cho Trần Tấn P, Phạm Minh H, Lữ Nhựt T, Nguyễn Tân Đ và Lê Minh T, Trần Vạn L đưa ra thông tin không đúng sự thật về dự án khu du lịch sinh thái PH – Hậu Giang làm cho bị 145 bị hại tin tưởng ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CT để Võ Thanh L và các đồng phạm chiếm đoạt của 145 bị hại với tổng số tiền là 48.880.507.501 đồng; từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018 Võ Thanh L chỉ đạo cho Trần Vạn L đưa thông tin về việc Công ty Ước mơ Việt ngưng hoạt động và yêu cầu thanh lý hợp đồng mua phiếu bảo trì tài sản dân dụng của Công ty ước mơ Việt để mua cổ phần của Công ty CT và thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư để mua cổ phần của công ty CT để được hưởng quyền lợi của người có cổ phần tại Công ty Thắng làm cho 269 bị hại tin tưởng thanh lý hợp đồng mua phiếu bảo trì tài sản dân dụng của Công ty ước mơ Việt và thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư để ký hợp đồng mua cổ phần của Công ty CT để Võ Thanh L và đồng phạm đã chiếm đoạt với tổng số tiền là 49.727.563.715 đồng và từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017 cũng với hình thức đưa ra thông tin không đúng sự thật về dự án khu du lịch sinh thái PH – Hậu Giang làm cho 09 bị hại tin tưởng tham gia mua cổ phần, Võ Thanh L và Trần Vạn L đã chiếm đoạt số tiền 2.219.237.000 đồng; từ tháng 04 năm 2018 đến tháng 10 năm 2019 Võ Thanh L chỉ đạo cho Nguyễn Tân Đ, Lê Minh T, Võ Văn S, Lê Thành N, Đỗ Văn T, Lâm Mỹ P đưa thông tin đúng sự thật về dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH – Hậu Giang làm cho bị 367 bị hại tin tưởng đầu tư mua vé điện tử (ITO) của Công ty CT để Võ Thanh L và các bị cáo chiếm đoạt số tiền 50.631.116.746 đồng và từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 9 năm 2019 Võ Thanh L, Nguyễn Tân Đ, Lê Minh T, Võ Văn S, Lê Thành N, Đỗ Văn T, Lâm Mỹ P tiếp tục lợi dụng dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH – Hậu Giang để kêu gọi nhiều người tham gia làm đại lý bán vé giấy vào cổng tham quan để bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm chiếm đoạt số tiền 8.475.396.350 đồng của 115 bị hại.

Tổng số tiền mà các bị cáo Võ Thanh L, Trần Vạn L, Lữ Nhựt T, Nguyễn Tân Đ, Trần Tấn P, Phạm Minh H, Lê Minh T, Võ Văn S, Lê Thành N và Đỗ Văn T đã chiếm đoạt của 817 bị hại là: 159.933.821.312 đồng (*Một trăm năm mươi chín tỷ chín trăm ba mươi ba triệu tám trăm hai mươi một nghìn ba trăm mười hai đồng*).

Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Võ Thanh L, Trần Vạn L, Lữ Nhựt T, Nguyễn Tân Đ, Trần Tấn P, Phạm Minh H, Lê Minh T, Võ Văn S, Lê Thành N và Đỗ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng:

[2.1] Bị cáo Võ Thanh L – Tổng giám đốc Công ty CT, là người chủ mưu, cầm đầu, giữ vai trò chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Công ty CT. Từ tháng 04 năm

2017 đến tháng 10 năm 2019 Võ Thanh L chỉ đạo cho Trần Vạn L, Lữ Nhựt T, Nguyễn Tân Đ, Trần Tấn P, Phạm Minh H, Lê Minh T, Võ Văn S, Lê Thành N, Đỗ Văn T, đưa thông tin gian dối về Dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH – Hậu Giang, đồng thời Võ Thanh L chỉ đạo cho các đồng phạm cách thức để chiếm đoạt tiền của các bị hại thông qua việc kêu gọi ký hợp đồng hợp tác đầu tư; thanh lý hợp đồng đại lý bảo trì tài sản dân dụng của Công ty ước mơ Việt và thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư để mua cổ phần của Công ty CT; thiết kế, lập trình website: “ve.phuhuutravel.com” để giao dịch mua bán vé điện tử (vé ITO) và bán vé giấy tham quan có hợp đồng, để chiếm đoạt của 817 bị hại với tổng số tiền 159.933.821.312 đồng. Quá trình điều tra đã đối chiếu và xác định trách nhiệm liên đới của từng bị cáo trong việc bồi thường cho các bị hại. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thanh L và người bào chữa cho bị cáo Võ Thanh L đề nghị hủy án sơ thẩm vì các bị hại tự nguyện thanh lý hợp đồng đại lý bảo trì tài sản dân dụng của Công ty UMV và thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư để mua cổ phần của công ty CT là hoàn toàn tự nguyện và Công ty CT cũng không có thu tiền của 269 bị hại với số tiền 49.727.536.715; án thẩm xác định bị cáo phát hành vé điện tử ITO là không đúng, đồng thời chưa làm rõ số tiền hoa hồng do Công ty CT đã chi trả cho các bị hại nhưng buộc bị cáo bồi thường 80% trong tổng số tiền 159.933.821.312 đồng là chưa chính xác.

[2.2] Bị cáo Trần Vạn L đứng tên cổ đông sáng lập của Công ty CT chiếm 20% tỷ lệ vốn góp, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc điều hành của công ty CT. Bị cáo Trần Vạn L là người thực hành tích cực thông qua hình thức ký hợp đồng hợp tác đầu tư và hợp đồng mua bán cổ phần, để giúp sức cho Võ Thanh L chiếm đoạt của 367 bị hại với tổng số tiền 95.753.103.774 đồng. Bị cáo Trần Vạn L kháng cáo cho rằng bị cáo làm việc theo sự ủy quyền của bị cáo Võ Thanh L và bị cáo không có được hưởng lợi trong số tiền trên nên bị cáo không đồng ý bồi thường cho các bị hại là chưa có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Bị cáo Nguyễn Tân Đ đã trực tiếp chia sẻ, tư vấn và triển khai kế hoạch kêu gọi hợp tác đầu tư vào Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH - Hậu Giang đồng thời Nguyễn Tân Đ là người quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh vé ITO và vé giấy tham quan có hợp đồng cho Công ty CT, giúp sức cho Võ Thanh L chiếm đoạt của 539 bị hại với tổng số tiền 77. 354.782.236 đồng. Bị cáo Nguyễn Tân Đ kháng cáo cho rằng chỉ có hưởng 1% trên doanh thu nên đề nghị xem xét lại phân trách nhiệm bồi thường là chưa có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Bị cáo Lê Minh T giữ chức vụ phó tổng giám đốc kinh doanh phát triển thị trường toàn quốc, trực tiếp chia sẻ, tư vấn cho khách hàng Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH - Hậu Giang tham gia ký hợp đồng hợp tác đầu tư, mua vé ITO, vé giấy có hợp đồng và triển khai kế hoạch kinh doanh vé giúp sức cho Võ Thanh L chiếm đoạt của 418 bị hại với tổng số tiền 58.811.160.934 đồng. Bị cáo kháng cáo yêu cầu xem xét lại phân trách nhiệm bồi thường là chưa có căn cứ để chấp nhận.

[2.5] Bị cáo Phạm Minh H từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 7 năm 2017 được Võ Thanh L bổ nhiệm chức vụ phó tổng giám đốc kinh doanh tập sự, Phạm Minh H thực hiện kế hoạch kêu gọi hợp tác đầu tư, quyết định, văn bản do Công ty CT ban hành về chính sách, quyền lợi cho khách hàng được hưởng khi tham gia hợp tác

đầu tư vào Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH - Hậu Giang đến bộ phận kinh doanh thuộc khu vực bị cáo Phạm Minh H quản lý, để tìm kiếm khách hàng tham gia hợp tác đầu tư với Công ty CT, đã giúp sức cho Võ Thanh L chiếm đoạt của 21 bị hại với tổng số tiền 3.725.087.574 đồng. Do đó xét kháng cáo của bị cáo Phạm Minh H và lời đề nghị của Luật sư cho rằng bản thân bị cáo làm công ăn lương theo sự chỉ đạo của Võ Thanh L với thời gian ngắn, khi phát hiện có dấu hiệu lừa đảo bị cáo đã có đơn tố giác nên yêu cầu xem xét lại trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.6] Bị cáo Lữ Nhựt T đứng tên cổ đông sáng lập của Công ty CT chiếm 20% tỷ lệ vốn góp, đồng thời giữ chức vụ phó tổng giám đốc kinh doanh tập sự, từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 7 năm 2017, Lữ Nhựt T thực hiện việc kêu gọi, quảng cáo không đúng sự thật về Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng PH tại các cuộc hội thảo giúp sức cho Võ Thanh L chiếm đoạt của 10 bị hại với tổng số tiền 3.356.000.000 đồng. Bị cáo kháng cáo cho rằng mặc dù bị cáo có đứng tên cổ đông sáng lập nhưng không góp vốn nên không đồng ý bồi thường tiền cho các bị hại là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Võ Thanh L và đồng phạm gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, chỉ trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 10 năm 2019 thông qua việc kêu gọi ký hợp đồng hợp tác đầu tư; thanh lý hợp đồng đại lý bảo trì tài sản dân dụng của Công ty ước mơ Việt và thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư để mua cổ phần của Công ty CT; thiết kế, lập trình website: “ve.phuhuutravel.com” để bán vé ITO và bán vé giấy tham quan có hợp đồng, Võ Thanh L và các đồng phạm đã chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn của 817 bị hại thuộc 39 tỉnh, thành phố trên cả nước. Gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mất an ninh trật tự tại các địa phương. Nên cần xét xử nghiêm để đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét vai trò đồng phạm của từng bị cáo và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” đối với các bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Nên không chấp nhận ý kiến của các Luật sư đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” đối với các bị cáo.

[3.1] Xét mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo Võ Thanh L, Trần Vạn L, Lữ Nhựt T, Nguyễn Tân Đ, Trần Tấn P, Phạm Minh H, Lê Minh T, Võ Văn S, Lê Thành N và Đỗ Văn T là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Võ Văn T, Bùi Thị H, Trần Thị Đ, Trần Thị Tường O, Trần Thị Đơn P, Mạch Thị T, Trần Thị Anh K yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo.

[3.2] Các bị cáo Võ Thanh L, Trần Vạn L, Nguyễn Tân Đ, Lê Minh T kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo cũng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định của pháp luật. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và ý kiến của các Luật sư đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[3.3] Đối với bị cáo Phạm Minh H có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Phạm Minh H đã tự nguyện nộp đủ số tiền bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự của các bị cáo; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Minh H. Nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.4] Đối với bị cáo Lữ Nhựt T ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng xét hoàn cảnh bị cáo Lữ Nhựt T đang bị bệnh, không tự đi lại được, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Xét mức án mà Bản án tuyên phạt đối với bị cáo có phần nghiêm khắc, nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của các bị hại Ngô Minh K, Lê Thị Mỹ L, Ngô Bình L, Lê Kim T, Trần Thúy L kháng cáo yêu cầu không buộc bị cáo Trần Văn L có trách nhiệm liên đới với bị cáo Võ Thanh L bồi thường tiền cho các bị hại là chưa phù hợp với nhận tại mục [2.2] nêu trên, nên không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Những người bị hại Nguyễn Thị Bích N, Võ Văn T, Bùi Thị H, Trần Thị Đ, Trần Thị Tường O, Trần Thị Đơn P, Mạch Thị T, Trần Thị Anh K kháng cáo cho rằng mức bồi thường bồi thường chưa phù hợp và yêu cầu tăng số tiền bồi thường. Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra đã có đối chiếu xác định rõ số tiền do bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại, Bản án sơ thẩm buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho các bị hại là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Nguyễn Thị Bích N, Võ Văn T, Bùi Thị H, Trần Thị Đ, Trần Thị Tường O, Trần Thị Đơn P, Mạch Thị T, Trần Thị Anh K yêu cầu tăng số tiền bồi thường.

Đối với phần giao dịch dân sự giữa các đương sự Lê Thị Huỳnh M, Trần Văn N, Nguyễn C, Vi Thùy D, Bùi Đức L, Phạm Minh H Thị T, Lê Thị Trúc H với bị cáo Võ Thanh L được tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự là có căn cứ. Do đó không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà: Lê Thị Huỳnh M, Trần Văn N, Nguyễn C, Vi Thùy D, Bùi Đức L, Phạm Minh H Thị T, Lê Thị Trúc H yêu cầu xác định tư cách tham gia tố tụng là bị hại và yêu cầu bị cáo Võ Thanh L bồi thường trong cùng vụ án.

[6] Tại cấp phúc thẩm bị cáo Đỗ Văn T có đơn xin miễn giảm án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đỗ Văn T nộp đơn xin miễn giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình của bị cáo Đỗ Văn T có hoàn cảnh khó khăn là hộ cận nghèo. Do đó chấp nhận yêu cầu của bị cáo Đỗ Văn T, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Thành N yêu cầu xem xét lại tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bị cáo phải chịu. Xét thấy án sơ thẩm xác định tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bị cáo phải chịu là đúng quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị cáo Lê Thành N.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại nguồn tiền của bị cáo Võ Thanh L đã sử dụng sau khi bị cáo Võ Thanh L đã chiếm đoạt của các bị hại để có căn cứ quyết định hình phạt đối với bị cáo và quyết định trách nhiệm việc bồi thường cho các bị hại là chưa phù hợp với nhận định trên.

[8] Về án phí phúc thẩm:

- Bị cáo Lữ Nhựt T và bị cáo Phạm Minh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Võ Thanh L, Trần Vạn L, Thu, Nguyễn Tân Đ kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các đương sự Trần Thúy L, Lê Thị Mỹ L, Ngô Bình L, Lê Kim T, Ngô Minh K, Trần Thị Đ, Bùi Thị H, Trần Thị Đơn P, Mạch Thị T, Võ Văn T, Phạm Thị Hoài V, Trần Thị Anh K, Trần Thị Tường O kháng cáo quyết định về hình sự của bản án sơ thẩm không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các đương sự Nguyễn Thị Bích N, Lê Thị Huỳnh M, Trần Văn N, Nguyễn C, Vi Thùy D, Bùi Đức L, Hoàng Thị T, Lê Thị Trúc H kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự Lê Thị Huỳnh M và Nguyễn C là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đương sự Nguyễn Thị Ngọc L rút kháng cáo nên phải chịu 50% án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường cho 803 bị hại khác; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Đối với khoản tiền 211.030.544 đồng do bị cáo Phạm Minh H đã nộp theo biên lai thu số 0000214 ngày 10/8/2022 tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang, được khấu trừ khi thi hành án phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Phạm Minh H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a,b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc L.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Thanh L, Trần Vạn L, Nguyễn Tân Đ, Lê Minh T.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lữ Nhựt T, Phạm Minh H.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại (14 bị hại) gồm các ông, bà: Trần Thúy L, Lê Thị Mỹ L, Ngô Bình L, Lê Kim T, Ngô Minh K, Trần Thị Đ, Bùi Thị H, Trần Thị Đơn P, Mạch Thị T, Võ Văn T, Phạm Thị Hoài V, Trần Thị Anh K, Trần Thị Tường O, Nguyễn Thị Bích N.

- Không chấp nhận kháng cáo của 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Lê Thị Huỳnh M, Trần Văn N, Nguyễn C, Vi Thùy D, Bùi Đức L, Hoàng Thị T, Lê Thị Trúc H.

- Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2022/HS-ST ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang về phần hình phạt đối với các bị cáo Lữ Nhựt T và Phạm Minh H:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Thanh L, Trần Vạn L, Lữ Nhựt T, Nguyễn Tân Đ, Trần Tấn P, Phạm Minh H, Lê Minh T, Võ Văn S, Lê Thành N và Đỗ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.1 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 39; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Thanh L tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 11 năm 2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Vạn L 18 (mười tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lữ Nhựt T 11 (mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.4. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tân Đ 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.5. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 01 năm 2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.6. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Văn S 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 01 năm 2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.7. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thành N 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 01 năm 2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.8. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 01 năm 2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.9. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Tấn P 09 (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.10. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s, t, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Minh H 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 12 tháng 01 năm 2021 đến ngày 05 tháng 11 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Võ Thanh L, Trần Vạn L, Lữ Nhựt T, Nguyễn Tân Đ, Trần Tấn P, Phạm Minh H, Lê Minh T, Võ Văn S, Lê Thành N, Đỗ Văn T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho 14 bị hại gồm:

2.1. Nguyễn Thị Bích N: 556.701.907đ (*Năm trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm lẻ một nghìn chín trăm lẻ bảy đồng*), trong đó: bị cáo Võ Thanh L hoàn trả 445.361.526 đồng, bị cáo Trần Vạn L và bị cáo Lê Minh T mỗi bị cáo hoàn trả 55.670.191 đồng.

2.2. Trần Thị Anh K: 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), trong đó: bị cáo Võ Thanh L hoàn trả 32.000.000 đồng, bị cáo Đỗ Văn T hoàn trả 8.000.000 đồng.

2.3. Mạch Thị T: 237.992.800đ (*Hai trăm ba mươi bảy triệu chín trăm chín mươi hai nghìn tám trăm đồng*), trong đó: bị cáo Võ Thanh L hoàn trả 202.293.880 đồng, bị cáo Nguyễn Tân Đ và bị cáo Lê Minh T mỗi bị cáo hoàn trả 11.899.640 đồng, bị cáo Lê Thành N và bị cáo Võ Văn S mỗi bị cáo hoàn trả 5.949.820 đồng.

2.4. Trần Thị Đơn P: 75.983.850đ (*Bảy mươi lăm triệu chín trăm tám mươi ba nghìn tám trăm năm mươi đồng*), trong đó: bị cáo Võ Thanh L hoàn trả 64.586.273 đồng, bị cáo Nguyễn Tân Đ và bị cáo Lê Minh T mỗi bị cáo hoàn trả 3.799.193 đồng, bị cáo Lê Thành N và bị cáo Võ Văn S mỗi bị cáo hoàn trả 1.899.596 đồng.

2.5. Trần Thị Tường O: 236.724.950đ (*Hai trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi đồng*), trong đó: bị cáo Võ Thanh L hoàn trả 189.379.960 đồng, bị cáo Đỗ Văn T hoàn trả 47.344.990 đồng

2.6. Trần Thị Đ: 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), trong đó: bị cáo Võ Thanh L hoàn trả 42.500.000 đồng, bị cáo Nguyễn Tân Đ và bị cáo Lê Minh T mỗi bị cáo hoàn trả 2.500.000 đồng, bị cáo Lê Thành N và bị cáo Võ Văn S mỗi bị cáo hoàn trả 1.250.000 đồng.

2.7. Bùi Thị H: 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*), trong đó: bị cáo Võ Thanh L hoàn trả 29.166.667 đồng, bị cáo Nguyễn Tân Đ và bị cáo Lê Minh T mỗi bị cáo hoàn trả 2.333.333 đồng, bị cáo Lê Thành N hoàn trả 1.166.667 đồng.

2.8. Võ Văn T: 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), trong đó: bị cáo Võ Thanh L hoàn trả 85.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Tân Đ và bị cáo Lê Minh T mỗi bị cáo hoàn trả 5.000.000 đồng, bị cáo Lê Thành N và bị cáo Võ Văn S mỗi bị cáo hoàn trả 2.500.000 đồng.

2.9. Trần Thúy L: 2.083.682.746đ (*Hai tỷ không trăm tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng*), trong đó: bị cáo Võ Thanh L hoàn trả 1.666.946.197 đồng, bị cáo Trần Vạn L hoàn trả 405.003.216 đồng, bị cáo Nguyễn Tân Đ và bị cáo Trần Tấn P mỗi bị cáo hoàn trả 5.866.667 đồng.

2.10. Lê Kim T: 1.957.498.000đ (*Một tỷ chín trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng*), trong đó: bị cáo Võ Thanh L hoàn trả 1.565.998.400 đồng, bị cáo Trần Vạn L hoàn trả 224.832.933 đồng, bị cáo Nguyễn Tân Đ và bị cáo Trần Tấn P mỗi bị cáo hoàn trả 83.333.333 đồng.

2.11. Ngô Bình L: 251.116.000đ (*Hai trăm năm mươi một triệu một trăm mười sáu nghìn đồng*), trong đó: bị cáo Võ Thanh L hoàn trả 201.892.800 đồng, bị cáo Trần Vạn L hoàn trả 46.223.200 đồng, bị cáo Nguyễn Tân Đ và bị cáo Lê Minh T mỗi bị cáo hoàn trả 1.000.000 đồng, bị cáo Lê Thành N và bị cáo Võ Văn S mỗi bị cáo hoàn trả 500.000 đồng.

2.12. Lê Thị Mỹ L: 183.775.000đ (*Một trăm tám mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), trong đó: bị cáo Võ Thanh L hoàn trả 148.520.000 đồng, bị cáo Trần Vạn L hoàn trả 30.755.000 đồng, bị cáo Nguyễn Tân Đ và bị cáo Lê Minh T mỗi bị cáo hoàn trả 1.500.000 đồng, bị cáo Lê Thành N và bị cáo Võ Văn S mỗi bị cáo hoàn trả 750.000 đồng.

2.13. Ngô Minh K: 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), trong đó: bị cáo Võ Thanh L hoàn trả 42.500.000 đồng, bị cáo Nguyễn Tân Đ và bị cáo Lê Minh T mỗi bị cáo hoàn trả 2.500.000 đồng, bị cáo Lê Thành N và bị cáo Võ Văn S mỗi bị cáo hoàn trả 1.250.000 đồng.

2.14. Phạm Thị Hoài V: 314.702.000đ (*Ba trăm mười bốn triệu bảy trăm lẻ hai nghìn đồng*), trong đó: bị cáo Võ Thanh L hoàn trả 251.761.600 đồng, bị cáo Trần Vạn L, bị cáo Nguyễn Tân Đ và bị cáo Phạm Minh H mỗi bị cáo hoàn trả 20.980.133 đồng.

3. Không chấp nhận kháng cáo của các ông bà: Lê Thị Huỳnh M, Trần Văn N, Nguyễn C, Vi Thùy D, Bùi Đức L, Hoàng Thị T, Lê Thị Trúc H yêu cầu bị cáo Võ Thanh L bồi thường thiệt hại.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị cáo Võ Thanh L nộp 239.395.767 đồng (*Hai trăm ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Vạn L phải nộp 122.621.986 đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu sáu trăm hai mươi một nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lữ Nhựt T phải nộp 16.010.000 đồng (*Mười sáu triệu không trăm mười nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Tân Đ phải nộp 112.546.443 đồng (*Một trăm mười hai triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Tấn P phải nộp 67.144.424 đồng (*Sáu mươi bảy triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Minh T phải nộp 101.868.224 đồng (*Một trăm lẻ một triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Võ Văn S phải nộp 48.279.311 đồng (*Bốn mươi tám triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm mười một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Thành N phải nộp 52.383.685 đồng (*Năm mươi hai triệu ba trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Đỗ Văn T và Bị cáo Phạm Minh H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án phí phúc thẩm:

- Mỗi bị cáo Võ Thanh L, Trần Vạn L, Nguyễn Tân Đ, Lê Minh T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Lữ Nhật Lữ Nhật T và bị cáo Phạm Minh H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

- Các đương sự Lê Thị Huỳnh M và Nguyễn C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn C số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000103 ngày 28/4/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

- Đương sự Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo các biên lai thu số 0000077 ngày 12/4/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc L 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

- Các đương sự Trần Thúy L, Lê Thị Mỹ L, Ngô Bình L, Lê Kim T, Ngô Minh K, Trần Thị Đ, Bùi Thị H, Trần Thị Đơn P, Mạch Thị T, Võ Văn T, Phạm Thị Hoài V, Trần Thị Anh K, Trần Thị Tường O không phải chịu án phí phúc thẩm.

- Các đương sự Nguyễn Thị Bích N, Trần Văn N, Vi Thùy D, Phạm Minh H Thị T, Lê Thị Trúc H mỗi người phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0000111 ngày 10/5/2022, 0000128 ngày 23/5/2022, 0000102 ngày 28/4/2022, 0000092 ngày 25/4/2022, 0000152 ngày 11/7/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

- Đương sự Bùi Đức L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự đối với 803 bị hại khác; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, về trách nhiệm do chậm thi hành án; về các vấn đề khác; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Đối với khoản tiền 211.030.544 đồng (*Hai trăm mười một triệu không trăm ba mươi ngàn năm trăm bốn mươi bốn đồng*) do bị cáo Phạm Minh H đã nộp theo biên lai thu số 0000214 ngày 10/8/2022 tại cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang, được khấu trừ khi thi hành án phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Phạm Minh H.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thúy Hồng